TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

&&&

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2019.
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Lưu Thị Tám.

2/. Ông Thiều Hoàng Mới.

* Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lý Thị Tư, Thư ký Toà án nhân dân huyện Kế Sách.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Dương Thanh Hậu**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 100/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/03/2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2019,giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Trúc L**, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Số 759/1 ấp B, xã H, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh **Đặng Văn L**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 8/03/2019, nguyên đơn chị Trần Thị Trúc L trình bày: Chị và anh Đặng Văn L được gia đình tổ chức lễ cưới trên tinh thần tự nguyện vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 26/01/2006. Quá trình sống chung, anh chị có hai người con chung làcháu Đặng Hữu T, sinh ngày 11/10/2005 và cháu Đặng Chí K, sinh ngày 10/2/2007 (bị bại não từ nhỏ, không thể đi lại được), hiện nay hai cháu đang sống với chị.Sau thời

gian chung sống hạnh phúc, chị và anh L phát sinh mâu thuẫn do anh L không lo làm ăn, anh chị bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và không còn quan tâm đến nhau.

Nay nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng để sống chung với nhau nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đặng Văn L, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung thì anh, chịtự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Bị đơn anh Đặng Văn L trình bày:*** Anh thống nhất với lời khai của chị Trần Thị Trúc L về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Hiện nay anh vẫn còn yêu thương chị L nên không đồng ý ly hôn, nếu chị L cương quyết yêu cầu ly hôn và Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị L thì anh đồng ý giao hai con cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung anh cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2]Về thủ tục tố tụng: Anh Đặng Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[3]Về hôn nhân: Chị Trần Thị Trúc L và anh Đặng Văn L tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2005, đến năm 2006 thì anh chị đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Kế Sách cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/01/2006nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị L cho rằng trong thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh L thiếu quan tâm gia đình, không lo làm ăn. Anh L cho rằng anh vẫn còn yêu thương chị L nên không đồng ý ly hôn, nếu chị L cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý. Thấy rằng hôn nhângiữa chị L với anh L đã L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được,tại phiên tòa hôm nay chị L cương quyết yêu cầu ly hôn với anh L. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho anh, chị được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[4]Về con chung: Chị L và anh L có hai con chung là cháu Đặng Hữu T, sinh ngày 11/10/2005 và cháu Đặng Chí K, sinh ngày 10/2/2007, cháu K bị bại não từ nhỏ, không thể đi lại được, hiện nay hai cháu đang sống với chị L,bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu đến trưởng thành, cháu Trí có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ, cháu K bị bệnh, Tòa án không làm việc được, anh L đồng ý giao hai cháu cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều

81Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu T và cháu K cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[5]Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

[6]Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anhL, không ai được quyền ngăn cản.

[7]Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh L không yêu cầu giải quyếtnên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vàđiểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9]Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần, các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chịTrần Thị Trúc L.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Trúc L được ly hôn với anh Đặng Văn L.

2/. Về con chung: Giao cháu Đặng Hữu T, sinh ngày 11/10/2005 và cháuĐặng Chí K, sinh ngày 10/2/2007 cho chị Trần Thị Trúc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: AnhĐặng Văn Lkhông phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4/. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đặng Văn L, không ai được quyền ngăn cản.

5/.Về tài sản chung và nợ chung: ChịTrần Thị Trúc L và anh Đặng Văn L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

6/. Về án phí: Chị Trần Thị Trúc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0006546 ngày 8/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Chị L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

7/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

8/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- UBND xã Kế Thành, H.Kế Sách;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm